TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1821/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1493/2026/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Lâm Ngọc T, sinh năm: 1992

Số CCCD: 079092017965

Địa chỉ: G H, khu phố D, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phan Thị H, sinh năm: 1991

Số CCCD: 042191001905

Địa chỉ: G H, khu phố D, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T đồng ý thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Lâm Ngọc T1, nam, sinh ngày 23/12/2012. Khi ly hôn, ông Nguyễn Lâm Ngọc T và bà Phan Thị H thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Lâm Ngọc T1 cho ông Nguyễn Lâm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phan Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/07/2012 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Lâm Ngọc T1, nam, sinh ngày 23/12/2012. Khi ly hôn, ông Nguyễn Lâm Ngọc T và bà Phan Thị H thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Lâm Ngọc T1 cho ông Nguyễn Lâm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phan Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Phan Thị H, ông Nguyễn Lâm Ngọc T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013738 ngày 09/09/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Lâm Ngọc T đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 và Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Lưới